TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2025
"V/v không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Gấm và ông Nguyễn Hữu Lõi

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Phòng xử án TAND huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 60/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh Mã Văn H, sinh năm 1982, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/4/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau, bạo lực gia đình, không cùng quan điểm về việc phát triển kinh tế và nuôi dạy con cái. Vì chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H không có đăng ký kết hôn nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H.

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H có 02 con chung là Mã Thị Thảo N, sinh ngày 09/02/2009 và Mã Quốc Đ, sinh ngày 06/3/2011, hiện nay các con chung đã ở với chị T và anh H. Chị T tôn trọng ý kiến của các con chung. Theo lời khai của cháu Đ thì cháu Đ có nguyện vọng được ở với anh H nên chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 28/5/2025 chị Phạm Thị T có đơn xét xử vắng mặt.

Theo lời khai của bị đơn, anh Mã Văn H có trong hồ sơ vụ án: Chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, sống tại xã T, huyện C, tỉnh Lâm Đồng đến năm 2011 thì chuyển về thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông sinh sống đến nay. Trong quá trình chung sống, chị T và anh H có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn không đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T thì anh H đồng ý.

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H có 02 con chung là Mã Thị Thảo N, sinh ngày 09/02/2009 và Mã Quốc Đ, sinh ngày 06/3/2011. Anh Mã Văn H có nguyện vọng nuôi 02 con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 28/5/2025, anh Mã Văn H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Theo lời khai của cháu Mã Quốc Đ và cháu Mã Thị Thảo N: Cháu Đ có nguyện vọng được ở với anh Mã Văn H; cháu N có nguyện vọng ở với chị Phạm Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và việc giải quyết vụ án:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quá trình tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, Điều 15; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về tố tụng: Đảm bảo đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H.

Về con chung: Giao con chung Mã Thị Thảo N, sinh ngày 09/02/2009 cho chị Phạm Thị T; giao con chung sinh ngày 06/3/2011 cho anh Mã Văn H trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:*

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung với anh Mã Văn H là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con chung theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Mã Văn H có địa chỉ tại thôn A, xã N, huyện Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc chấp hành pháp luật của đương sự.*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật. Trước khi mở phiên tòa, chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H đều có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống.

Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".*

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị T và anh H sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, nay chị T không còn tình cảm với anh H và anh H đồng ý theo đơn khởi kiện với chị T nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H là vợ chồng.

[3.2]. Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H có 02 con chung Mã Thị Thảo N, sinh ngày 09/02/2009 và Mã Quốc Đ, sinh ngày 06/3/2011. Chị T tôn trọng quyết định của các con chung; anh Mã Văn H có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyện vọng của cháu Đ ở với anh H; cháu N ở với chị T, ngoài ra chị T tôn trọng quyết định của con, đồng ý giao cháu Đ cho anh H trực tiếp nuôi đến tuổi trưởng thành, vì vậy giao con chung Mã Quốc Đ, sinh ngày 06/3/2011 cho anh Mã Văn H; giao con chung Mã Thị Thảo N, sinh ngày 09/02/2009 cho chị Phạm Thị T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp, đúng với nguyện vọng của các con chung.

[3.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Mã Văn H và chị Phạm Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề cập giải quyết.

[3.4]. *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.5]. *Về nợ chung*: Không có nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị T đã nộp.

[5]. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14, Điều 15; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Mã Quốc Đ, sinh ngày 06/3/2011 cho anh Mã Văn H; giao con chung Mã Thị Thảo N, sinh ngày 09/02/2009 cho chị

Phạm Thị T có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; quyền và nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị T và anh Mã Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0004561 ngày 14 tháng 3 năm 2025.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Tâm